

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2009/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 27 tháng 3 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy định về định mức sử dụng, giá nước
cho các nhóm đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giờ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 239/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh bổ sung Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố và Quyết định số 102/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện chính sách thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo 697/TBLT-STC-SGTVT ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Liên Sở Tài chính - Sở Giao thông vận tải về điều chỉnh chi phí vận chuyển nước sạch cung cấp cho nhân dân trên địa bàn huyện Cần Giờ;

Xét đề nghị của Phòng Công Thương huyện tại Báo cáo số 15/BC-CT ngày 03 tháng 3 năm 2009 về đề xuất phương án định mức sử dụng nước cho các đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giờ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quy định về định mức sử dụng, giá nước cho các nhóm

đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giờ (được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thời gian áp dụng định mức sử dụng nước, giá nước cho các nhóm đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện từ ngày 21 tháng 3 năm 2009.

Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các phòng, ban huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Giám đốc Công ty Dịch vụ Công ích huyện Cần Giờ, các Vệ tinh cung cấp nước và các đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIÒ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về định mức sử dụng, giá nước cho các nhóm đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giò

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện)

I. NHÓM 01 - CÁC HỘ DÂN CƯ: gồm các hộ dân, hộ tập thể, chung cư, cư xá, ký túc xá đã có đồng hồ nước tính trên số nhân khẩu thường trú và tạm trú đã đăng ký với chính quyền địa phương (đối tượng thuộc diện tạm trú do Công ty dịch vụ Công ích huyện phối hợp cùng với cơ quan quản lý nhân khẩu xác định). Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký theo định mức tại một thuê bao đồng hồ nước.

*** Đơn giá áp dụng cho nhóm 01:**

- Trong định mức (đến 4m^3 /người/tháng): 2.740 đồng/ m^3 .
- Trên 4m^3 tính theo giá thành của từng khu vực.

II. NHÓM 02 - CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP, ĐOÀN THỂ:

*** Đơn giá áp cho nhóm 02:** 6.040 đồng/ m^3 .

III. NHÓM 03 - ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:

1. Đối với hộ sản xuất, chế biến: ngoài định mức nước sinh hoạt áp dụng cho hộ gia đình thì hộ sản xuất được hưởng thêm định mức nước sản xuất theo từng đối tượng, cụ thể:

* Hộ chăn nuôi heo: quy mô dưới 25 con được hưởng thêm định mức nước sản xuất hàng tháng 10m^3 /tháng, mỗi mức từ 1 - 10 con tiếp theo được thêm 4m^3 /tháng.

* Hộ sản xuất muối: hộ sản xuất muối có thuê mướn dưới 5 lao động được hưởng định mức nước sản xuất hàng tháng 5m^3 /tháng, nếu thuê ngoài từ 5 lao động trở lên được hưởng định mức nước sản xuất hàng tháng 8m^3 /tháng.

* Hộ nuôi ba ba: quy mô dưới 500 con định mức nước sản xuất hàng tháng 15m^3 /tháng, quy mô từ 500 - 1.000 định mức nước sản xuất hàng tháng 25m^3 /tháng,

quy mô trên 1.000 con định mức nước sản xuất hàng tháng $35\text{m}^3/\text{tháng}$.

* Hộ trồng trọt: chỉ áp dụng vào mùa nắng từ tháng 12 năm trước đến cuối tháng 5 năm sau; quy mô dưới 02ha định mức nước sản xuất hàng tháng $12\text{m}^3/\text{tháng}$, quy mô từ 02ha trở lên được hưởng định mức $20\text{m}^3/\text{tháng}$.

* Hộ mua bán hải sản định mức nước sản xuất hàng tháng $04\text{m}^3/\text{tháng}$.

* Hộ sản xuất bánh mì: quy mô vốn đầu tư dưới 50 triệu đồng được hưởng định mức nước sản xuất $35\text{m}^3/\text{tháng}$, mỗi mức vốn đầu tư tăng thêm từ 01 - 50 triệu đồng được tăng thêm định mức nước kinh doanh hàng tháng tương ứng $8\text{m}^3/\text{tháng}$.

* Hộ sản xuất khác (làm giá sống, làm mắm...): nếu có nhu cầu sử dụng nước để phục vụ sản xuất, phải xây dựng phương án sử dụng nước thông qua Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

2. Đối với cơ sở sản xuất, chế biến: chỉ hưởng định mức nước sản xuất hàng tháng. Chủ cơ sở xây dựng phương án sử dụng nước thông qua Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

3. Đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp: chủ đầu tư xây dựng phương án sử dụng nước thông qua Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

4. Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, chế biến: trên cơ sở mức sử dụng nước bình quân 3 tháng gần nhất (tháng 11, 12 năm 2008 và tháng 01 năm 2009) của doanh nghiệp làm định mức sử dụng nước sản xuất hàng tháng cho từng doanh nghiệp sản xuất.

* **Đơn giá áp cho nhóm 03:**

- Trong định mức: $4.540 \text{ đồng}/\text{m}^3$.

- Vượt định mức: tính theo giá thành của từng khu vực.

IV. NHÓM 04 - ĐƠN VỊ KINH DOANH - DỊCH VỤ:

1. Đối với hộ kinh doanh - dịch vụ: ngoài định mức nước sinh hoạt áp dụng cho hộ gia đình thì hộ kinh doanh - dịch vụ được hưởng thêm định mức nước kinh doanh - dịch vụ theo từng đối tượng, cụ thể:

* Hộ kinh doanh ăn uống, giải khát (không kinh doanh phòng trọ): quy mô vốn đầu tư dưới 50 triệu đồng được hưởng định mức nước kinh doanh $8\text{m}^3/\text{tháng}$, mỗi

mức vốn đầu tư tăng thêm từ 01 - 50 triệu đồng được tăng thêm định mức nước kinh doanh hàng tháng tương ứng $4\text{m}^3/\text{tháng}$.

* Hộ kinh doanh ăn uống, giải khát và có kinh doanh phòng trọ có quy mô dưới 10 phòng được hưởng định mức nước kinh doanh hàng tháng $20\text{m}^3/\text{tháng}$, mỗi phòng tăng thêm được hưởng thêm $1,5\text{m}^3/\text{tháng}$.

* Hộ kinh doanh tạp hóa: ngoài định mức nước sinh hoạt áp dụng cho hộ gia đình, các hộ kinh doanh tạp hóa được hưởng thêm định mức nước sử dụng cho mục đích kinh doanh là $02\text{m}^3/\text{tháng}$ (mục tiêu khuyến khích phát triển loại hình kinh doanh tạp hóa).

* Hộ kinh doanh dịch vụ rửa xe:

- Hộ rửa xe 02 bánh: rửa với số lượng dưới 10 chiếc xe/ngày được hưởng định mức nước kinh doanh hàng tháng $12\text{m}^3/\text{tháng}$, từ 10 đến 20 chiếc xe/ngày hưởng định mức nước $20\text{m}^3/\text{tháng}$, trên 20 chiếc xe/ngày hưởng định mức nước $25\text{m}^3/\text{tháng}$.

- Hộ rửa xe 04 bánh trở lên: rửa với số lượng đến 5 chiếc xe/ngày được hưởng định mức nước kinh doanh hàng tháng $20\text{m}^3/\text{tháng}$, rửa từ 6 - 10 chiếc xe/ngày hưởng định mức nước $35\text{m}^3/\text{tháng}$, rửa trên 10 chiếc xe/ngày hưởng định mức $40\text{m}^3/\text{tháng}$.

* Hộ kinh doanh - dịch vụ khác (dịch vụ đổi nước lã; phòng mạch; uốn tóc; vật liệu xây dựng...) nếu có nhu cầu sử dụng nước phục vụ mục đích kinh doanh - dịch vụ phải lập phương án sử dụng nước và gửi Phòng Công Thương thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

2. Đối với các cơ sở kinh doanh - dịch vụ: chỉ được hưởng định mức nước kinh doanh - dịch vụ:

* Cơ sở sản xuất nước đá: có công suất thực tế dưới 100 cây/ngày định mức nước sản xuất hàng tháng $180\text{m}^3/\text{tháng}$, công suất thực tế từ 100 - 150 cây/ngày hưởng định mức $265\text{m}^3/\text{tháng}$, công suất thực tế từ 151 - 200 cây/ngày hưởng định mức $345\text{m}^3/\text{tháng}$, công suất thực tế trên 200 cây/ngày thì chủ cơ sở phải xây dựng phương án sử dụng nước gửi Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

* Cơ sở sản xuất nước tinh khiết: áp dụng định mức theo công suất sản xuất thực tế của từng cơ sở.

* Đối với các cơ sở kinh doanh - dịch vụ khác: chủ cơ sở kinh doanh phải xây dựng phương án sử dụng nước gửi Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ:

a) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch: trên cơ sở mức sử dụng nước bình quân 3 tháng gần nhất (tháng 11, 12 năm 2008 và tháng 01 năm 2009) của doanh nghiệp làm định mức sử dụng nước kinh doanh - dịch vụ hàng tháng cho từng doanh nghiệp.

b) **Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh - dịch vụ khác:** doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng nước và gửi Phòng Công Thương huyện thẩm định để tham mưu định mức sử dụng nước kinh doanh dịch vụ cho từng doanh nghiệp, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

*** Đơn giá áp cho nhóm 04:**

- Trong định mức: 8.040 đồng/m³.
- Vượt định mức: tính theo giá thành của từng khu vực.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Sơn